

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-PT
Ngày 25 - 01 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân;

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Kim Quy;

Ông Lâm Anh Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 05/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số Bản án số 04/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2023/QĐ-PT ngày 23/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nông Ngọc T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Các bị đơn: Ông Lệnh Văn C, sinh năm 1954; Ông Lệnh Minh H1, sinh năm 1969; Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968; Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971; Bà Ma Thị C2, sinh năm 1972; Bà Thượng Thị Q, sinh năm 1979; Bà Lệnh Thị H3, sinh năm 1980; Bà Thượng Thị H4, sinh năm, 1964; Ông Lệnh Văn L, sinh năm 1985; Bà Lệnh Thị N2, sinh năm 1969. Cùng cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H2, bà Ma Thị C2, bà Thượng Thị Q, bà Lệnh Thị H3, bà Thượng Thị H4, ông Lệnh Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn ông Nông Ngọc T trình bày: Năm 2001, có đoàn đo đạc của huyện lên đo, vẽ và giao đất cho các hộ gia đình trong thôn để quản lý, bảo vệ và trồng rừng. Tại thời điểm đó gia đình ông Nông Ngọc T có hai đám đất rừng và mảnh đất đồi trọc bỏ hoang từ năm 1996 cho nên ông đã đề nghị đoàn đi đo cho và làm Giấy chứng nhận cho gia đình ông để tiện sử dụng bao gồm cả ba thửa là các thửa số 19, 75, 74 mỗi thửa có diện tích lần lượt là 18.420m², 31.575m² và 11.250m². Cả ba diện tích đất đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T197032, ngày 24/20/2001 (Thời hạn sử dụng đất đến tháng 10 năm 2050) mang tên ông Nông Ngọc T. Năm 2008, ông có đơn xin cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tách các thửa đất ra từng sổ riêng và mang tên cả hai vợ chồng ông T trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại diện tích đất đang có tranh chấp thuộc thửa 415, diện tích 28.731,5m² được làm mới từ thửa 75 có diện tích 31.575m². Khu đang có tranh chấp nằm ở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 813889 được cấp năm 2008. Đến năm 2021 gia đình ông đăng ký trồng rừng theo chương trình của huyện. Do vậy, đầu tháng 04 năm 2021 cán bộ kiểm lâm xuống địa bàn kiểm tra, xác minh khu đất gồm ông Lê Mạnh P, ông Nguyễn Mạnh T1 là cán bộ quản lý rừng phòng hộ; Ông Hoàng Trọng H5 là cán bộ kiểm lâm. Qua kiểm tra, thẩm định thấy vườn của gia đình ông T đủ điều kiện trồng rừng nên ông T đã thuê nhân công chăm phát để trồng cây.

Ngày 10/05/2021 gia đình ông T đã nhận 6.225 cây keo con để trồng. Sáng ngày 18/5/2021 gia đình ông T cho người chuyển cây con lên trồng thì thấy có 09 người lên trên vườn rừng nhà ông T tự khoanh vùng và trồng cây vào đất của ông. Cũng trong ngày hôm đó lúc ông đang điều trị tại Hà Giang thì vợ ông cho biết việc tranh chấp. Ông đã bảo vợ báo cáo lên chính quyền xã để giải quyết. Cán bộ xã, công an và thôn đã lên đến tận nơi và không cho ai tự ý khoanh vùng đất nhưng họ đều không nghe và cố tình đem cây con lên trồng.

Ngày 04/06/2021 Ủy ban nhân dân xã H đã tổ chức hòa giải để yêu cầu 10 người dân đang tranh chấp phải dừng lại để gia đình ông T trồng vì đã lấy được cây con và nương đã phát đốt, dọn sạch sẽ rồi nhưng mọi người đều không nghe và họ còn yêu cầu ông T phải chia đất để làm bãi chăn thả trâu cho thôn, nếu ông T không đồng ý chia đất thì các hộ cứ sử dụng phần đất của gia đình mình nhưng ông T không nhất trí vì đất đã được cấp cho ông từ năm 2001 nên việc hòa giải không thành. Ông T còn khẳng định trước năm 2000 cả khu vực này chỉ là đồi trọc không có ai tăng gia và cũng không phải là bãi chăn thả của thôn và của xã nên mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T năm 2001. Ông T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại cho gia đình ông phần diện tích đất mà ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì cả 10 bị đơn này không có ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất này. Đến năm 2021 do UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T nên ông đã H4 đồng trồng rừng theo dự án của huyện, thuê phát đất, dọn rừng là 10.000.000 đồng và nhận 6225 cây keo con để trồng. Nay ông khởi kiện đến Tòa án

yêu cầu các bị đơn đang tranh chấp phần diện tích đất của ông phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm và bồi thường tiền công thuê, phát dọn đất và trồng cây là 10.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm Nguyên đơn là ông Nông Ngọc T rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu các bị đơn phải bồi thường tiền thuê nhân công phát dọn rừng để trồng cây với số tiền 10.000.000 đồng.

Các bị đơn bà Lệnh Thị H3, ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H2, bà Ma Thị C2, bà Thượng Thị Q, bà Thượng Thị H4, ông Lệnh Văn L và bà Lệnh Thị N2 trình bày: Về nguồn gốc đất của các hộ gia đình có từ năm 1980, các bị đơn vẫn canh tác sử dụng trồng lúa, trồng sắn. Đến năm 2000 có cán bộ đo đạc của cấp trên và cùng cán bộ lâm nghiệp của xã đến tại thôn để đo diện tích đất và giao đất vườn rừng cho các hộ ở khu đất khác, còn khu đất hiện nay ông T đang khởi kiện đã được đo và quy hoạch để làm đất cộng đồng và bãi chăn thả. Từ khi quy hoạch giao đất để làm đất cộng đồng của thôn, thì các bị đơn không canh tác trồng cây gì nữa. Diện tích đất đang tranh chấp các bị đơn đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ khi thu để làm đất cộng đồng và bãi chăn thả của thôn. Thì các bị đơn không trồng cây gì. Diện tích đất hiện nay ông T đang khởi kiện từ trước ông T không có đất ở đó. Không hiểu lý do gì vào tháng 4/2021 gia đình ông T lên phát cỏ và đốt để trồng cây, thời điểm ông T lên phát cỏ thì các bị đơn mới biết diện tích đất trên đã được cấp cho ông T. Nay ông T khởi kiện các bị đơn lấn chiếm đất của ông T thì các bị đơn đều không nhất trí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Ngày 21/6/2021 ông T có đơn khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với các bị đơn gồm: Ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H2, bà Thượng Thị Q, bà Thượng Thị H4, ông Lệnh Văn L, bà Lệnh Thị N2, bà Lệnh Thị H3, bà Ma Thị C2, về việc các hộ lấn chiếm đất của gia đình bà. Quan điểm của bà hoàn toàn nhất trí về việc ông T đã khởi kiện và gia đình bà B đề nghị các bị đơn đã lấn chiếm đất của gia đình bà thì phải trả lại đất cho gia đình bà toàn bộ diện tích đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 813889, mang tên người sử dụng đất ông Nông Ngọc T và bà Nguyễn Thị B, cấp vào ngày 19/11/2008.

Quá trình Tòa án thụ lý, xác minh và thu thập các tài liệu chứng cứ đã yêu cầu các bên đương sự cung cấp các giấy tờ liên quan đến phần diện tích đất đang tranh chấp, nhưng chỉ nguyên đơn là ông Nông Ngọc T cung cấp được 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ba thửa đất riêng biệt được cấp lại năm 2008.

Các hộ giáp ranh này đều ký vào B bản ngày 12/9/2004 khi tiến hành đo đạc và xác định ranh giới để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nông Ngọc T vào năm 2008. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nông Ngọc T đã tự làm H4 đồng đo đạc với cơ quan chuyên môn để thẩm định toàn bộ diện tích đất (Trong đó bao gồm cả phần diện tích đất đang tranh chấp).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thành huyện V, tỉnh Hà Giang quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 158 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100; Điều 166; Điều 168; Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Ngọc T.

Buộc các bị đơn: Ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H2, bà Thượng Thị Q, bà Thượng Thị H4, ông Lệnh Văn L, bà Lệnh Thị N2, bà Lệnh Thị H3, bà Ma Thị C2 phải trả cho ông Nông Ngọc T phần diện tích đất các bị đơn đã lấn chiếm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 813889 đã cấp cho người sử dụng đất ông Nông Ngọc T và bà Nguyễn Thị B, cấp ngày 19/11/2008; tại thửa đất số 415, tờ bản đồ số 2, có diện tích là 28731.5 m²; Địa chỉ thửa đất thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Hà Giang. Cụ thể:

- Buộc bà Lệnh Thị H3 phải trả lại ông Nông Ngọc T phần diện tích đất đã lấn chiếm là 1836,8 m² (Diện tích đất thuộc thửa số 02 được xác định bởi các điểm H1, H2, H3 đến H9 khép về H1).

- Buộc bà Lệnh Thị N2 phải trả lại ông Nông Ngọc T phần diện tích đất đã lấn chiếm là 3419,5 m² (Diện tích đất thuộc thửa số 04 được xác định bởi các điểm B1, B2, B3 đến B13 khép về B1).

- Buộc ông Nguyễn Văn N phải trả lại ông Nông Ngọc T phần diện tích đất đã lấn chiếm là 1905,7 m² (Diện tích đất thuộc thửa số 05 được xác định bởi các điểm B11, B12, B13, C12, C13, C14 và T8, T9, T10 khép về B11).

- Buộc ông Lệnh Văn C và ông Lệnh Minh H1 phải trả lại ông Nông Ngọc T phần diện tích đất đã lấn chiếm là 3215 m² (Diện tích đất thuộc thửa số 06 được xác định bởi các điểm C1, C2, C3 đến C14 khép về C1).

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngát và bà Nguyễn Thị Q phải trả lại ông Nông Ngọc T phần diện tích đất đã lấn chiếm là 4996,4 m² (Diện tích đất thuộc thửa số 07 được xác định bởi các điểm E1, E2, E3, E4, E5, C5, E6, E7, E8 đến E14 và các điểm F4, F5, F6, F7 khép về E1).

- Buộc bà Thượng Thị H4 phải trả lại ông Nông Ngọc T phần diện tích đất đã lấn chiếm là 1984,9 m² (Diện tích đất thuộc thửa số 08 được xác định bởi các điểm F1, F2, F3..., F8 đến T27, T28 khép về F1).

- Buộc bà Ma Thị C2 phải trả lại ông Nông Ngọc T phần diện tích đất đã lấn chiếm là 636 m² (Diện tích đất thuộc thửa số 10 được xác định bởi các điểm T3, E13, E14, F4, F3, F2, A1, A2 và T2 khép về T3).

- Buộc ông Lệnh Văn L phải trả lại ông Nông Ngọc T phần diện tích đất đã lấn chiếm là 1204,8 m² (Diện tích đất thuộc thửa số 11 được xác định bởi các điểm C9, C8, E8, E9, E10..., E13 và T8, T9, T10, E13, T3, T4, T5 khép về C9).

(Kèm theo là mảnh trích đo địa chính số 21-2022 hệ tọa độ VN 2000, khu đất tranh chấp tại thôn M, xã H - Tờ số 2, ngày 14 tháng 9 năm 2022)

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nông Ngọc T về việc yêu cầu các bị đơn là ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H2, bà Thượng Thị Q, bà Thượng Thị H4, ông Lệnh Văn L, bà Lệnh Thị N2, bà Lệnh Thị H3, bà Ma Thị C2 phải bồi thường tiền thuê nhân công phát dọn rừng để trồng cây với số tiền 10.000.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng:

- Buộc ông Lệnh Văn C và ông Lệnh Minh H1 mỗi người phải thanh toán cho ông Nông Ngọc T tiền chi phí xem xét thẩm định là 493.000 đồng (Bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng).

- Buộc bà Lệnh Thị N2 phải thanh toán cho ông Nông Ngọc T tiền chi phí xem xét thẩm định là 1.049.000 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn N phải thanh toán cho ông Nông Ngọc T tiền chi phí xem xét thẩm định là 585.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị H2 và bà Thượng Thị Q mỗi người phải thanh toán cho ông Nông Ngọc T tiền chi phí xem xét thẩm định là 766.500 đồng (Bảy trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

- Buộc bà Ma Thị C2 phải thanh toán cho ông Nông Ngọc T tiền chi phí xem xét thẩm định là 195.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc bà Thượng Thị H4 phải thanh toán cho ông Nông Ngọc T tiền chi phí xem xét thẩm định là 609.000 đồng (Sáu trăm linh chín nghìn đồng).

- Buộc bà Lệnh Thị H3 phải thanh toán cho ông Nông Ngọc T tiền chi phí xem xét thẩm định là 563.000 đồng (Năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

- Buộc ông Lệnh Văn L phải thanh toán cho ông Nông Ngọc T tiền chi phí xem xét thẩm định là 369.000 đồng (Ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án, điều kiện thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 13/10/2023 các bị đơn Ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H2, bà Thượng Thị Q, bà Thượng Thị H4, ông Lệnh Văn L, bà Lệnh Thị H3, bà Ma Thị C2 kháng cáo toàn bộ bản án số 04/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nông Ngọc T rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Ma Thị C2, ông Lệnh Văn L phải trả diện tích đất tranh chấp. Các bị đơn (ông N, bà C2, ông L) nhất trí việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cùng nhất trí rút kháng cáo. Đồng thời, nguyên đơn Nông Ngọc T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các bị đơn ông C, ông H1, ông H2, bà Q, bà H4, bà N2. Cụ thể, ông T yêu cầu các bị đơn ông Lệnh Văn C và ông Lệnh Minh H1; ông Nguyễn Văn H2 và bà Thượng Thị Q;

bà Thượng Thị H4; bà Lệnh Thị N2 trả phần diện tích có tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T cho ông T, bà B. Ông T không yêu cầu xem xét đối với phần diện tích đất tranh chấp nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T. Các bị đơn ông C, ông H1, ông H2, bà Q, bà H4, bà N2, bà H3 đều nhất trí trả lại cho nguyên đơn ông T, bà B phần diện tích đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T. Nguyên đơn, và các bị đơn không yêu cầu xem xét tài sản trên đất. Nguyên đơn ông T chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí quan điểm của nguyên đơn ông Nông Ngọc T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn kháng cáo của các bị đơn Lệnh Thị H3, ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H2, bà Ma Thị C2, bà Thượng Thị Q, bà Thượng Thị H4, ông Lệnh Văn L là hợp lệ.

Tại phiên tòa Ông Nông Ngọc T thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ông T yêu cầu các bị đơn phải trả diện tích đất tranh chấp cụ thể: Bà Lệnh Thị H3 phải trả diện tích đất 1.836,8 m², bà Lệnh Thị N2 phải trả diện tích đất 2.705,7m², ông Lệnh Văn C và ông Lệnh Minh H1 phải trả diện tích đất 1.117,3m², bà Nguyễn Thị H2 và bà Thượng Thị Q phải trả diện tích đất 1.992,9m², bà Thượng Thị H4 phải trả diện tích đất 855,6m²; đồng thời rút toàn bộ yêu cầu trả lại diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 813889 do UBND huyện V cấp ngày 19/11/2008 cho hộ ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B. Các bị đơn ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1, bà Lệnh Thị N2, bà Lệnh Thị H3, bà Nguyễn Thị H2 và bà Thượng Thị Q, bà Thượng Thị H4 đều nhất trí trả toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp cho ông Nông Ngọc T.

Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn ông Nông Ngọc T rút một phần yêu cầu khởi kiện và các đương sự tự nguyện thoả thuận về việc giải quyết vụ án. Việc thoả thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của TAND huyện V theo H3:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

- Ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1 trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 1.117,3m² tại thửa số 06 tại các điểm C1, C2, C3, C4, C5, C6' đến C14' khép về C1.

- Bà Lệnh Thị N2 trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 2.705,7m² tại thửa số 04 tại các điểm B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, B9', B13' khép về B1.

- Bà Lệnh Thị H3 trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 1.836,8 m² tại thửa số 02 tại các điểm H1, H2, C5, C4, H3, H4, H5, H6, H7, H8, H9 khép về H1.

- Bà Nguyễn Thị H2 và bà Thượng Thị Q trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 1.992,9m² tại thửa số 07 tại các điểm E1, E2, E3, E4, E5, E6', 3, F6', F6 khép về E1.

- Bà Thượng Thị H4 trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 855,6m² tại thửa số 08 tại các điểm F6', F6, F7, F8, F8', 4 khép về F6'.

(Vị trí, diện tích theo bản đồ lồng ghép ranh giới mảnh trích đo địa chính số 21-2022 với ranh giới thửa đất số 415, tờ bản đồ địa chính số 2)

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nông Ngọc T đối với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Ma Thị C2, ông Lệnh Văn L phải trả diện tích đất tranh chấp.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nông Ngọc T chịu chi phí tố tụng 9.942.249 đồng (ông T đã thi hành xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nông Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị đơn ông Nguyễn Văn N, anh Lệnh Văn L, bà Ma Thị C2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị đơn ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1, bà Lệnh Thị N2, bà Lệnh Thị H3, bà Nguyễn Thị H2, bà Thượng Thị Q, bà Thượng Thị H4 mỗi người chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn ông Lệnh Văn C, ông Nguyễn Văn N, ông Lệnh Minh H1, bà Thượng Thị H4, bà Ma Thị C2, bà Nguyễn Thị H2, bà Thượng Thị Q, bà Lệnh Thị H3, ông Lệnh Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, mỗi người được trả lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm nộp ngày 23/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 28/9/2023, Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2023 các bị đơn Ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H2, bà Thượng Thị Q, bà Thượng Thị H4, ông Lệnh Văn L, bà Lệnh Thị N2, bà Lệnh Thị H3, bà Ma Thị C2 kháng cáo toàn bộ bản án số 04/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang. Xét đơn kháng cáo của những người kháng cáo trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, kháng cáo của các Bị đơn nêu trên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm sau khi Kiểm sát viên và Hội đồng xét xử phối H4 trình chiếu và giải thích kết quả bản đồ lồng ghép ranh giới mảnh trích đo địa chính số 21-2022 với ranh giới thửa đất số 415, tờ bản đồ địa chính số 2 (Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số AO 813889 do UBND huyện V, tỉnh Hà Giang cấp ngày 19/11/2008 mang tên ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B). Nguyên đơn ông Nông Ngọc T rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Ma Thị C2, ông Lệnh Văn L phải trả diện tích đất tranh chấp. Đồng thời nguyên đơn Nông Ngọc T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các bị đơn ông C, ông H1, ông H2, bà Q, bà H4, bà N2. Cụ thể: ông T yêu cầu bà Lệnh Thị N2 phải trả diện tích đất 2.705,7m², ông Lệnh Văn C và ông Lệnh Minh H1 phải trả diện tích đất 1.117,3m², bà Nguyễn Thị H2 và bà Thượng Thị Q phải trả diện tích đất 1.992,9m², bà Thượng Thị H4 phải trả diện tích đất 855,6m², bà Lệnh Thị H3 phải trả diện tích đất 1.836,8m². Ông T không yêu cầu xem xét đối với phần diện tích đất tranh chấp nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T. Các bị đơn ông C, ông H1, ông H2, bà Q, bà H4, bà N2, bà Lệnh Thị H3 nhất trí trả lại cho nguyên đơn ông T phần diện tích đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các bị đơn không yêu cầu xem xét tài sản trên đất. Nguyên đơn ông T chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

[3] Xét thấy việc thoả thuận giữa nguyên đơn ông T và các bị đơn (ông C, ông H1, ông H2, bà Q, bà H4, bà N2, bà H3) là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội cần được công nhận, cụ thể: Ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1 trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 1.117,3m² tại thửa số 06 tại các điểm C1, C2, C3, C4, C5, C6' đến C14' khép về C1. Bà Nguyễn Thị H2 và bà Thượng Thị Q trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 1.992,9m² tại thửa số 07 tại các điểm E1, E2, E3, E4, E5, E6', 3, F6', F6 khép về E1. Bà Thượng Thị H4 trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 855,6m² tại thửa số 08 tại các điểm F6', F6, F7, F8, F8', 4 khép về F6'. Bà Lệnh Thị N2 trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 2.705,7m² tại thửa số 04 tại các điểm B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, B9', B13' khép về B1. Bà Lệnh Thị H3 trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 1.836,8 m² tại thửa số 02 tại các điểm H1, H2, C5, C4, H3, H4, H5, H6, H7, H8, H9 khép về H1 (*Có Bản đồ lồng ghép kết quả đo đạc tại Mảnh trích đo địa chính số 03-2022 hệ toạ độ VN2000 khu đất tranh chấp thôn M, tờ bản đồ số 2 kèm theo*).

[4] Xét thấy việc nguyên đơn ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn N, bà Ma Thị C2, ông Lệnh Văn L phải trả diện tích đất tranh chấp là tự nguyện, các bị đơn ông N, bà C2, ông L nhất trí việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cùng nhất trí rút kháng cáo, do đó đình chỉ xét xử.

[5] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Ông Nông Ngọc T chịu chi phí tố tụng 9.942.249 đồng (ông T đã thi hành xong).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nông Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị đơn ông Nguyễn Văn N, ông Lệnh Văn L, bà Ma Thị C2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị đơn ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1, bà Lệnh Thị N2, bà Lệnh Thị H3, bà Nguyễn Thị H2, bà Thượng Thị Q, bà Thượng Thị H4 mỗi người chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn ông Lệnh Văn C, ông Nguyễn Văn N, ông Lệnh Minh H1, bà Thượng Thị H4, bà Ma Thị C2, bà Nguyễn Thị H2, bà Thượng Thị Q, bà Lệnh Thị H3, ông Lệnh Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1 trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 1.117,3m² tại thửa số 06 tại các điểm C1, C2, C3, C4, C5, C6' đến C14' khép về C1.

- Bà Lệnh Thị N2 trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 2.705,7m² tại thửa số 04 tại các điểm B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, B9', B13' khép về B1.

- Bà Nguyễn Thị H2 và bà Thượng Thị Q trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 1.992,9m² tại thửa số 07 tại các điểm E1, E2, E3, E4, E5, E6', 3, F6', F6 khép về E1.

- Bà Thượng Thị H4 trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 855,6m² tại thửa số 08 tại các điểm F6', F6, F7, F8, F8', 4 khép về F6'.

- Bà Lệnh Thị H3 trả cho ông Nông Ngọc T, bà Nguyễn Thị B diện tích đất 1.836,8 m² tại thửa số 02 tại các điểm H1, H2, C5, C4, H3, H4, H5, H6, H7, H8, H9 khép về H1.

(Có Bản đồ lồng ghép kết quả đo đạc tại Mảnh trích đo địa chính số 03-2022 hệ toạ độ VN2000 khu đất tranh chấp thôn M, tờ bản đồ số 2 kèm theo)

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nông Ngọc T đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Văn N, bà Ma Thị C2, ông Lệnh Văn L phải trả diện tích đất tranh chấp.

4. Về chi phí tố tụng: Ông T chịu toàn bộ đo đạc và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 9.942.249 đồng (ông T đã thi hành xong).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn ông Lệnh Văn C, ông Lệnh Minh H1, Bà Lệnh Thị N2, bà Lệnh Thị H3, bà Nguyễn Thị H2 và bà Thượng Thị Q, bà Thượng Thị H4 mỗi người chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nông Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Nông Ngọc T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo B lai thu số 0002147 ngày 07/10/2021.

6, Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn ông Lệnh Văn C, ông Nguyễn Văn N, ông Lệnh Minh H1, bà Thượng Thị H4, bà Ma Thị C2, bà Nguyễn Thị H2, bà Thượng Thị Q, bà Lệnh Thị H3, ông Lệnh Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho ông Lệnh Văn C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo B lai thu số 0002670 ngày 23/10/2023 (ông Lệnh Minh H1 nộp thay).

Trả lại cho ông Nguyễn Văn N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo B lai thu số 0002673 ngày 23/10/2023 (ông Lệnh Minh H1 nộp thay).

Trả lại cho ông Lệnh Minh H1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo B lai thu số 0002627 ngày 23/10/2023.

Trả lại cho bà Thượng Thị H4 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo B lai thu số 0002628 ngày 23/10/2023 (ông Lệnh Minh H1 nộp thay).

Trả lại cho bà Ma Thị C2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo B lai thu số 0002671 ngày 23/10/2023 (ông Lệnh Minh H1 nộp thay).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo B lai thu số 0002672 ngày 23/10/2023 (ông Lệnh Minh H1 nộp thay).

Trả lại cho bà Thượng Thị Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo B lai thu số 0002627 ngày 23/10/2023 (ông Lệnh Minh H1 nộp thay).

Trả lại cho bà Lệnh Thị H3 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo B lai thu số 0002629 ngày 23/10/2023 (ông Lệnh Minh H1 nộp thay).

Trả lại cho ông Lệnh Văn L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo B lai thu số 0002630 ngày 23/10/2023 (ông Lệnh Minh H1 nộp thay).

7. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường H4 bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện V
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân